

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/HSPT  
Ngày 16/11/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2017/HSPT ngày 01/3/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Thân Văn T, Nguyễn Văn T do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ( đã chết) đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 19/01/2017 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**\* Các bị cáo trong vụ án :**

**1. Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: lớp 2/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S( đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án từ ngày 01/5/2009 đến 01/5/2016, hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**2. Thân Văn T1**, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thân Văn D và bà Nguyễn Thị X; vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án từ ngày 01/5/2009 đến 01/02/2015; hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**3. Nguyễn Văn T2 (tức Nguyễn Trọng T2),** sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Học sinh trường CN kỹ thuật II Bắc Giang; Văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Cao Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2009 đến ngày 13/8/2009 được thay thế biện pháp ngăn chặn, bị bắt chấp hành án từ ngày 14/10/2011 đến ngày 26/02/2013; bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2013 đến ngày 20/6/2017 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn do thời gian chấp hành án và tạm giữ, tạm giam đã đủ 6 năm theo mức hình phạt tù của án sơ thẩm đã tuyên; hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:**

1. Ông Thân Văn L. (xin vắng mặt).
2. Ông Hoàng Trọng N. (xin vắng mặt).

Đều là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ nơi công tác: đường L, phường D, Tp.B, tỉnh Bắc Giang.

3. Luật sư Nguyễn Minh L. (xin vắng mặt).
4. Luật sư Nguyễn Trung T. (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Công ty TNHH D- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

**\* Nguyên đơn dân sự:** Công an tỉnh Bắc Giang do ông Bùi Xuân V đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt.

Trụ sở: Số 3, đường H, phường H, Tp.B, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn H1 (đã chết).

Nguyên là: Cảnh sát giao thông thuộc phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh B.

2. Anh Hoàng Văn H2, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi công tác: Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh B ở Số 07 đường X, phường T, Tp.B, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1968. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện T, Bắc Giang.

**\* Người đại diện của anh Nguyễn Văn H:**

1. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1962 . Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Phương T5, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã DK, Tp. B, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn H:**

1. Luật sư Trần Văn H, sinh năm 1959- Luật sư Văn phòng luật sư HK thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu 3, Phường Đ, Thành phố B, Tỉnh B.

2. Luật sư Hoàng Thị Bích L. Có mặt.

3. Luật sư Ong Thị T. Có mặt.

Địa chỉ: Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh B.

Là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang.

**\* Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Phương T:**

1. Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1953. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường DK, Tp.B, tỉnh Bắc Giang

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Nơi cư trú: số nhà 3\*\*, đường L, phường H, Tp.B, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1962. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, Tp.B, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, Tp.B, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Đức Q, ông Nguyễn Văn H5.**

**\* Người giám định:**

1. Ông Nguyễn Trọng T - Chủ tịch hội đồng giám định; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1C, đường T, Phường P, Quận H, Hà Nội.

2. Ông Lưu Sỹ H- Ủy viên hội đồng giám định; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1C, đường T, Phường P, Quận H, Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Văn L- Ủy viên hội đồng giám định. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1C, đường T, Phường P, Quận H, Hà Nội.

4. Ông Lê Anh C- Ủy viên hội đồng giám định. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1C, đường T, Phường P, Quận H, Hà Nội.

5. Ông Trần Ngọc S- Ủy viên hội đồng giám định. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1C, đường T, Phường P, Quận H, Hà Nội.

6. Ông Phạm Xuân T- Chủ tịch Hội đồng giám định. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 41, NĐC, quận H, Tp.Hà Nội.

7. Ông Lê Duy T - Giám định viên. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 41, NĐC, quận H, Tp.Hà Nội.

8. Ông Nguyễn Đức N - Giám định viên. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 41, NĐC, quận H, Tp.Hà Nội.

9. Ông Đào Quốc T- Giám định viên. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 99, đường NT, quận T, Tp.Hà Nội.

10. Ông Nguyễn Văn B, Giám định viên. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 99, đường NT, quận T, Tp.Hà Nội.

11. Ông Trương Quang N- Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 21, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện LG và bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 19/01/2017 của Toà án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang thì vụ án có nội dung như sau:

Thực hiện sự chỉ đạo của giám đốc công an tỉnh Bắc Giang về việc tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường thủy (Điện số 174 ngày 24/4/2009) và kế hoạch số: 84/PC26 ngày 27/4/2009 của Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang về “tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy, tập trung xử lý vi phạm khai thác cát sỏi trái phép”. Khoảng 22h ngày 30/4/2009, tổ công tác của Phòng cảnh sát giao thông- Công an tỉnh Bắc Giang do đồng chí Lê Hồng T- Phó trưởng phòng cảnh sát giao thông- Công an tỉnh Bắc Giang chỉ huy đã triển khai lực lượng đi làm nhiệm vụ kiểm tra việc khai thác cát sỏi trái phép trên tuyến sông Thương và giao cho 2 đồng chí Hoàng Văn H2 và Tống Đức T (do đồng chí H2 làm tổ trưởng) đi trước làm nhiệm vụ trinh sát. Đến khoảng 2h30phút ngày 1/5/2009, đồng chí H2 phát hiện có 3 tàu hút cát trái phép tại khu vực gần bến đò M thuộc địa phận xã DĐ, LG, Bắc Giang nên đã điện về báo cáo đồng chí T và đồng chí T đã cử 2 đồng chí Tôn Văn A và Nguyễn Văn H1 đều là cán bộ của Phòng cảnh sát giao thông- Công an tỉnh Bắc Giang đi tăng cường cho tổ trinh sát và chuẩn bị lực lượng, phương tiện đến kiểm tra, xử lý.

Sau khi đồng chí A và đồng chí H1 đến nơi, đồng chí H2 đã hội ý tổ công tác và phân công nhiệm vụ cho từng người tiếp cận các tàu đang hút cát. Trong đó: đồng chí H1 và đồng chí H2 sẽ tiếp cận tàu hút cát đầu tiên, còn đồng chí T và đồng chí A tiếp cận 2 tàu hút cát còn lại. Sau đó, tổ công tác đã mượn của anh Trịnh Văn L ở ĐT- DĐ- LG – Bắc Giang một chiếc thuyền TE (loại thuyền nhỏ, lái chèo bằng tay dùng để đánh bắt tôm cá), đồng chí A chèo thuyền đưa 3 đồng chí H2, H1, T ra kiểm tra các tàu hút cát. Khi ra đến tàu hút cát BKS: BG-0145H của bị cáo Nguyễn Văn Đ, đồng chí H2 và đồng chí H1 lên tàu. Sau đó, đồng chí A tiếp tục chèo thuyền đưa đồng chí T đến tàu không biển số của Nguyễn Văn B là chủ thuyền, rồi đồng chí A sang tàu của Nguyễn Văn Q để kiểm tra.

Tại tàu hút cát của bị cáo Đ, có bị cáo Thân Văn T1, bị cáo Nguyễn Văn T2 cùng anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn H. Trong khi các bị cáo đang hút cát thì đồng chí H2 và đồng chí H1 lên kiểm tra, đồng chí H2 có cầm theo một khẩu súng bắn đạn hơi cay, còn đồng chí H không cầm gì. Khi lên đến nơi, đồng chí H2 giới thiệu: “Chúng tôi là công an, đề nghị các anh tắt máy” và yêu cầu tất cả mọi người trên tàu tập trung lại phía mũi tàu để làm việc. Nghe tiếng hô, T1 và T3 đã

tắt máy hút cát rồi cả 5 người tập trung lên mũi tàu thì đồng chí H2 hỏi “Ai là chủ thuyền” nhưng không ai nhận là chủ tàu. Ngay lúc đó, Đ nhảy xuống thuyền nan (loại thuyền nhỏ) buộc ở cạnh tàu bơi vào bờ phía xã LC- TY mục đích để tháo dây neo tàu, khi đồng chí H2 hỏi đi đâu thì Đ nói là đi gọi chủ tàu. Nhưng khi bơi thuyền đến gần bờ thì Đ lại bơi thuyền quay lại phía buồng máy, Đ lên tàu hô: “Nổ máy chạy đi”. Nghe tiếng Đ hô thì T2 đang đứng ở mũi thuyền chạy vào buồng máy nổ máy tàu, T3 cầm đèn pin đi theo soi cho T2, còn H thì cởi dây neo ở mũi tàu. Lúc đó, đồng chí H2 đứng ở bên phải mạn tàu, gần buồng lái yêu cầu mọi người tắt máy, không được chạy và nổ súng bắn 01 phát lên trời cảnh cáo nhưng Đ và các đối tượng trên tàu không chấp hành buộc đồng chí H2 phải rút súng ra bắn 2 viên đạn hơi cay vào trong buồng máy. Nghe tiếng súng nổ, Đ vừa lái tàu chạy vừa hô: “Thằng nào lên chém chết” và cầm con dao dựa chuôi bằng gỗ ở trong buồng lái giờ lên làm cho đồng chí H2 sợ lùi lại phía sau và vướng vào vòi hút cát của tàu nên bị ngã xuống sông. Sau khi bị ngã, đồng chí H đã bơi được vào bờ, nhưng bị rơi mất khẩu súng bắn đạn hơi cay (Cơ quan điều tra đã tiến hành tìm kiếm trên đoạn sông đó nhưng không thấy). Lúc này, T1 đang ở trong buồng lái thì bị sặc hơi cay chạy ra ngoài, Đ đưa cho T1 con dao dựa chuôi bằng gỗ để T1 ra cắt dây neo cho tàu chạy, nhưng khi T1 chạy lên phía mũi tàu thì đã thấy H cởi dây neo rồi nên cầm dao quay lại phía bên trái của buồng lái thì thấy T2 đang cầm chiếc búa tạ bằng sắt khua về phía đồng chí H1. T1 chạy đến dùng tay gạt T2 ra và nói: “Mày đẹp ra” làm cho T2 bị ngã xuống sàn tàu, T1 cầm con dao bằng tay phải giờ lên và nói với đồng chí H1: “Mày muốn chết không”, đồng chí H1 sợ nên đã lùi lại về phía đuôi tàu, T1 tiến đến dùng tay trái túm vào vai bên phải của đồng chí H1, sau đó cả 02 cùng bị ngã xuống sông, đồng chí H1 đã chết ngay sau đó.

Sau khi sự việc xảy ra thì tổ công tác do đồng chí T (Phó trưởng phòng cảnh sát giao thông- Công an tỉnh Bắc Giang) chỉ huy đến nơi đã tổ chức đưa các đồng chí bị thương trong tổ công tác đến bệnh viện khám, điều trị và tổ chức tìm kiếm đồng chí H1. Đến 7h sáng ngày 01/5/2009 thì vớt được xác đồng chí H1 đưa về bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang.

Ngày 01/5/2009, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Bắc Giang đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và ra quyết định trưng cầu giám định pháp y để xác định nguyên nhân chết của đồng chí Nguyễn Văn H1.

Khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra sự việc được xác định là thuyền hút cát của Nguyễn Văn Đ, loại thuyền xi măng lưới thép ký hiệu BG-0145.

Tại bản giám định pháp y số 955/09/GĐPY ngày 01/5/2009 của Phòng giám định pháp y bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác định: Nguyên nhân chết do ngạt nước.

Ngày 30/6/2009, Phòng giám định pháp y, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang giải thích về kết luận giám định như sau:

1. Cơ chế của dấu hiệu: “xung huyết và xuất huyết lan toả dạng máu thâm vùng đỉnh và chẩm” là do hiện tượng xung huyết, giãn mạch vùng đỉnh và chẩm dẫn đến xuất huyết lan toả dạng máu thâm do sự thoát mạch của hồng cầu. Hiện tượng này không phải do ngoại lực tác động.

2. Cơ chế của: “Tim màu nâu, cơ tim chắc, các mạch máu bề mặt xung huyết cương tụ” là do phản ứng xung huyết do ngạt nước. “Hai buồng tim chứa đầy máu cục màu đỏ sẫm” là do rối loạn huyết động trong buồng tim gây nên.

3. Trường hợp chết do ngạt nước của Nguyễn Văn H1 là trường hợp chết do ngạt nước đặc biệt. Khi cơ thể gặp nước có thể do lạnh đột ngột hoặc do phản xạ, có thể kèm theo hiện tượng chuột rút làm ngừng tim, ngừng thở đột ngột (Trường hợp này người bị nạn biết bơi vẫn bị chết). Do vậy không có hiện tượng nạn nhân uống nước vào dạ dày như quá trình chết do ngạt nước điển hình. Tổn thương phổi: “xung huyết màu đỏ, kích thước to hơn bình thường. Diện cắt có dịch bọt màu đỏ chảy ra. Khí phế quản xung huyết màu đỏ, trong lòng khí phế quản chứa đầy dịch bọt màu đỏ, không thấy có dị vật” là tổn thương tương đối điển hình của phổi bị ngạt nước. Không thấy dị vật trong khí phế quản là do nước ở chỗ nạn nhân chết không có dị vật như rong, rêu....

Ngày 01/5/2009, Nguyễn Văn Đ, Thân Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận rõ hành vi phạm tội của bản thân.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thì Toà án nhân dân huyện L nhận được Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 56/GĐPY-HS ngày 17/11/2009 của Viện pháp y Quốc gia- Bộ Y tế do ông Nguyễn Văn T4 (bố đẻ của anh H1) gửi đến, nội dung Bản kết luận giám định xác định nguyên nhân chết của đồng chí Nguyễn Văn H1 “Nguyên nhân chết: Ngạt nước trên người có chấn thương sọ não”.

Ngày 09/12/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại gửi Viện khoa học hình sự- Bộ Công an để giám định lại. Tại Bản kết luận giám định số 3021 ngày 28/12/2009 của Trung tâm pháp y Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận:

1. Nguyên nhân chết do ngạt nước.

2. Vết xây sát loa tai phải do vật cứng diện tiếp xúc hẹp tác động với lực nhẹ gây ra. Không thấy tổn thương khác do ngoại lực tác động.”.

Tại bản án sơ thẩm 35/2010/HSST ngày 26/5/2010 (BL 884), của Toà án nhân dân huyện L đã tuyên phạt: Nguyễn Văn Đ 07 năm tù; Thân Văn T1 06 năm tù; Nguyễn Văn T2 06 năm tù; Nguyễn Văn B 04 năm tù; Nguyễn Văn Đ 02 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; ngoài ra còn tuyên về trách nhiệm dân sự án phí và các vấn đề khác.

Sau phiên toà sơ thẩm, các bị cáo và người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 118/2010/HSPT ngày 06/9/2010 (BL 992), của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã huỷ một phần bản án

sơ thẩm số 35/2010/HSST ngày 26/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện L để điều tra lại đối với 03 bị can: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T2, Thân Văn T1 với yêu cầu điều tra là: Giải thích nội dung mâu thuẫn trong các bản kết luận giám định; giám định lại nguyên nhân chết của nạn nhân Nguyễn Văn H1.

Ngày 22/12/2010, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã ra quyết định truy tố Nguyễn Văn Đ, Thân Văn T1 và Nguyễn Văn T2 về tội “Chống người thi hành công vụ” theo điểm c, d khoản 2 Điều 257 Bộ luật hình sự.

Tại bản án sơ thẩm 07/2011/HSST ngày 25/01/2011 (BL 1117), của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên phạt: Nguyễn Văn Đ 07 năm tù; Thân Văn T1 06 năm tù; Nguyễn Văn T2 06 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; ngoài ra còn tuyên về án phí và các vấn đề khác.

Sau phiên tòa sơ thẩm các bị cáo, người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 164/2011/HSPT ngày 13/9/2011 (BL 1212), của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tuyên y án sơ thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 24/HS- GĐT ngày 18/12/2012, Tòa án nhân dân Tối cao quyết định: Hủy bản án hình sự phúc thẩm số 164/2011/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và bản án hình sự sơ thẩm số 07/2011/HSST ngày 25/01/2011 của tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra lại.

Sau khi nhận hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang để điều tra lại theo thẩm quyền.

Tại kết luận giám định pháp y số 08/13/GDPY-HS ngày 03/10/2013 của Viện pháp y Quốc gia- Bộ Y tế kết luận nguyên nhân chết của anh Nguyễn văn H1: Chết do ngạt nước, trên người có chấn thương sọ não.

Tại bản cáo trạng số 124/KSĐT ngày 27/11/2013 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Nguyễn Văn Đ, Thân Văn T1, Nguyễn Văn T2 (tức Nguyễn Trọng T2) về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Tại bản án sơ thẩm 67/2014/HSST ngày 07/8/2014 (BL 1626), Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên phạt: Nguyễn Văn Đ 07 năm tù; Thân Văn T1 06 năm tù; Nguyễn Văn T2 06 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; ngoài ra còn tuyên về án phí và các vấn đề khác.

Sau phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và người đại diện của người có quyền, nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 51/2015/HSPT ngày 05/5/2015 (BL 1844), của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong giai đoạn điều tra, tại kết luận giám định pháp y số 59/BB- BYT ngày 25/01/2016 của Bộ y tế kết luận:

Nguyên nhân tử vong của Nguyễn Văn H1 là: Ngạt nước.

Không phát hiện dấu hiệu tổn thương sọ não.

Không phát hiện tổn thương do ngoại lực dẫn đến tử vong.

Với nội dung trên tại cáo trạng số 16/KSĐT ngày 23/02/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Chống người thi hành công vụ” theo các điểm c, d khoản 2 Điều 257 Bộ luật hình sự; các bị cáo Thân Văn T1, Nguyễn Văn T2 (tức Nguyễn Trọng T2) về tội “Chống người thi hành công vụ” theo điểm d khoản 2 Điều 257 Bộ luật hình sự.

Sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện L đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung các vấn đề mà bản án phúc thẩm 51/2015/HSPT ngày 05/5/2015, của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã nêu ra nhưng cơ quan điều tra chưa thực hiện và vấn đề còn tồn tại sau khi khai quật tử thi để giám định:

1. Trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức Q.

2. Xác định nguyên nhân dẫn đến việc xương đòn phải của anh H1 bị gãy; thời điểm gãy là trước, trong hay sau khi sự việc “Chống người thi hành công vụ” xảy ra? Cơ chế hình thành vết thương; Nếu có căn cứ xác định do ngoại lực tác động thì xác định ai là người gây ra?

3. Giải thích rõ ràng, có căn cứ về cơ chế chết do ngạt nước và dấu hiệu máu thấm vùng đỉnh chẩm của nạn nhân là anh Nguyễn Văn H1.

Ngày 30/5/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định giải quyết khiếu nại- tố cáo số 01/QĐ ngày 30/5/2016 với nội dung không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại tố cáo ngày 05/6/2014, 18/7/2014, 19/7/2014 của Ông Nguyễn Đức Q; tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 75/QĐ-VKS-P2 ngày 06/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại ghi ngày 06/6/2016 của ông Nguyễn Đức Q. Giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 01 ngày 30/5/2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang.

Tại công văn số 01 ngày 28/6/2016 của Hội đồng giám định đã trả lời công văn của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang theo yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân huyện L xác định:

Thời điểm xảy ra gãy xương đòn phải của anh H1 trước khi chết một thời gian dài; trường hợp gãy xương đòn của anh H1 không đủ căn cứ để xác định nguyên nhân, cơ chế.

Căn cứ để xác định anh H1 chết do ngạt nước: Mặt môi tím tái, mũi có dịch hồng, củng mạc mắt xung huyết, khí phế quản xung huyết màu đỏ, lòng khi phế quản chứa đầy dịch một màu đỏ; phổi xung huyết, trên diện cắt qua nhu mô phổi có nhiều dịch bọt màu hồng; cơ chế ngạt nước: Hít nước vào phổi, nước thẩm thấu vào máu, tổn thương phế nang; dấu hiệu máu thấm vùng đỉnh” đã được giải thích, không có nhận định này; vết rách ra ở mặt trước hõm vành tai phải có kích thước 0,2cm độ sâu không được mô tả, không có tổn thương sọ ở vị trí tương ứng.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, các hội đồng giám định, giám định viên đã có văn bản trả lời, giải thích về kết luận giám định đã đưa ra:

Giám định viên Trương Quang N vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại công văn số 107/TTPY ngày 22/11/2016 đã giải thích về kết luận giám định như sau:

“1. Dấu hiệu và cơ sở khoa học để kết luận nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn H1 là chết do ngạt nước:

Dấu hiệu xác ngâm nước:

Mũi, miệng chảy ít dịch bọt màu đỏ.

Da toàn thân nổi da gà, da lòng bàn tay, bàn chân nhăn nheo nhợt nhạt.

Dấu hiệu nước vào hô hấp:

Phổi xung huyết màu đỏ, kích thước to hơn bình thường. Diện cắt có dịch bọt màu đỏ chảy ra. Khí phế quản xung huyết màu đỏ, lòng khí phế quản chứa đầy dịch bọt màu hồng, không tìm thấy dị vật.

Dấu hiệu nước vào hệ tuần hoàn:

Các phù tạng xung huyết (Não, tim, gan, ruột, dạ dày).

Gan: diện cắt có máu chảy ra.

2. Cơ chế dẫn đến bị chết do ngạt nước: Có 3 cơ chế chết do ngạt nước:

Nước tràn vào hệ thống hô hấp: Nước bít đường hô hấp gây thiếu oxy, thừa Cacbonic đột ngột. Máu tan hóa, hô hấp tế bào ngừng trệ. Tổn thương tại phổi: Nước vào các phế nang tạo nên hình ảnh phù phổi cấp; Lòng khí phế quản và phế nang đầy bọt, nước, vách phế nang rách, các vi mạch vỡ.

Nước tràn vào hệ thống tuần hoàn: Khi CO<sub>2</sub> tăng kích thích trung tâm hô hấp dẫn đến hít mạnh, nước chui sâu vào làm giãn căng, vỡ phế nang. Do tăng áp lực thủy tĩnh dẫn đến vỡ mao mạch phế nang. Nước tràn vào hệ thống tuần hoàn làm loãng máu, vỡ hồng cầu.

Phản xạ thần kinh: Do phản xạ làm ngừng hô hấp, tuần hoàn (Gọi là ngạt trắng) rất hiếm gặp (ở người có thần kinh nhạy cảm, tiếp xúc đột ngột với tác nhân lạnh, sợ hãi quá mức...).

Trường hợp chết ngạt nước của anh Nguyễn Văn H1 có các dấu hiệu tương đối điển hình của Ngạt nước. Các dấu hiệu thể hiện hai cơ chế: Nước tràn vào hệ thống hô hấp và nước tràn vào hệ thống tuần hoàn của chết do ngạt nước.”

Hội đồng giám định Viện pháp y quốc gia vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại công văn số 371/PYQG-GĐ ngày 22/11/2016, đã giải thích về kết luận giám định như sau:

“1. Các dấu hiệu cho phép nhận định nạn nhân bị chấn thương sọ não:

Lỗ tai trái chảy máu đỏ.

Mặt trước hõm vành tai phải có vết thương rách da dài 0.2cm, chảy máu.

Xung huyết và xuất huyết lan tỏa dạng máu thấm vùng đỉnh và chẩm. Các mạch máu bề mặt vỏ não cương tụ, sung huyết, các khe rãnh não nông đọng dịch màu đỏ.

Trên ảnh chụp tử thi qua quá trình khám nghiệm có hình ảnh xung huyết, chảy máu dưới màng mềm đại não (ảnh 32, 35), hình ảnh nhiều chấm chảy máu nhỏ rải rác trong chất trắng nhu mô não (ảnh 35).

## 2. Các dấu hiệu chết ngạt nước:

Phổi xung huyết, kích thước to hơn bình thường. Diện cắt có dịch bọt màu đỏ chảy ra. Khí phế quản xung huyết màu đỏ, lòng khí phế quản chứa đầy dịch bọt màu đỏ.

3. Các dấu hiệu trên kết hợp với các dấu hiệu dạ dày có ít thức ăn, đường tiêu hóa không thấy có nước (ảnh 42) thể hiện tình trạng chết ngạt nước không điển hình (do trên người có chấn thương sọ não).

Đó là các cơ sở để kết luận nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn H1 là ngạt nước trên người có chấn thương sọ não.

Về cơ chế hình thành vết thương: Do mổ tử thi không toàn diện nên chúng tôi không thể xác định được”.

Hội đồng giám định Viện khoa học hình sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại công văn số 3021/C21-P7 ngày 28/12/2009, đã giải thích về kết luận giám định như sau (bút lục 2315):

“Việc Kết luận anh Nguyễn Văn H1 chết do ngạt nước được dựa trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các dấu hiệu thể hiện trong hồ sơ tài liệu của vụ án, cụ thể:

Anh Nguyễn Văn H1 được phát hiện chết trong môi trường nước sau khi bị ngã xuống sông từ tàu khai thác cát trái phép.

Trên cơ thể anh Nguyễn Văn H1 không phát hiện các tổn thương do ngoại lực tác động có thể là nguyên nhân gây tử vong.

Mặt môi tím tái, mũi có dịch màu hồng, lòng khí phế quản có nhiều dịch bọt màu hồng, diện cắt qua phổi có nhiều dịch bọt màu hồng, tím, phổi xung huyết”.

Tại phiên tòa ngày 25/11/2016, trong phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ; Thân Văn T1; Nguyễn Văn T2 (tức Nguyễn Trọng T2) phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng: điểm c, d khoản 2 Điều 257; Điều 33; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 BLHS; khoản 5, Điều 227 BLTTHS đối với bị cáo Đ: Tuyên phạt bị cáo Đ 07 năm tù bằng thời gian tạm giam và chấp hành án;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 257; Điều 33; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS đối với các bị cáo T1 và T2: Tuyên phạt bị cáo T1 06 năm tù; bị cáo T2 05- 06 năm tù.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người đại diện cho anh Nguyễn Văn H1 là luật sư Trần Văn H, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Phương T5, người đại diện theo ủy quyền của bà L và chị T5 là ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn H5, bà Nguyễn Thị H6 không đồng ý với cáo trạng số 16/KSĐT ngày 23/02/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, không đồng ý với đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Và cho

rằng việc cáo trạng chỉ truy tố và chỉ luận tội các bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ” là chưa đủ, đề nghị truy tố các bị cáo về tội “Giết người”, “Đe dọa giết người”. Phản đối kết luận giám định 59/BB- BYT ngày 25/01/2016; kết luận giám định pháp y 955/09/GDPY ngày 01/5/2009 của Phòng giám định pháp y bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, kết luận giám định pháp y số 3021 ngày 28/12/2009 của Trung tâm pháp y Viện khoa học hình sự- Bộ Công an. Và cho rằng kết luận giám định pháp y số 56/GDPY-HS ngày 17/11/2009 và Kết luận giám định pháp y số 08/13/GDPY-HS ngày 03/10/2013 của Viện pháp y Quốc gia- Bộ Y của Viện pháp y Quốc gia- Bộ Y là chính xác.

\* Về trách nhiệm dân sự: Những người đại diện và người bảo vệ quyền lợi của anh H1, người đại diện theo ủy quyền của bà L và chị T5 không yêu cầu giải quyết; về vấn đề này, việc này khi nào tìm ra hung thủ giết anh H1 thì mới đề nghị xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Đ đồng ý với ý kiến bào chữa của người bào chữa.

Các bị cáo Thân Văn T1 và Nguyễn Văn T2 không tranh luận gì.

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung các vấn đề:

Làm rõ nguyên nhân dẫn đến việc anh Nguyễn Văn H1 bị ngã xuống nước, tiến hành thực nghiệm điều tra đúng như diễn biến vụ án (khi tàu đang chạy).

Xác định tính xác thực của bức ảnh do ông T4 giao nộp.

Xem xét khởi tố các bị cáo về tội giết người theo điểm d khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự.

Sau khi nhận hồ sơ Viện kiểm sát nhân dân huyện L có công văn phúc đáp giữ nguyên cáo trạng.

Từ nội dung trên, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

**1.** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Thân Văn T1 và Nguyễn Văn T2 (Nguyễn Trọng T2) đều phạm tội: “Chống người thi hành công vụ”.

**2. Về điều luật áp dụng:**

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 257; Điều 33; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Đ.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 257; Điều 33; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với Thân Văn T1 và Nguyễn Văn T2 (Nguyễn Trọng T2).

**3. Về hình phạt:**

Xử phạt Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù, đúng bằng thời hạn tạm giam và đã chấp hành án của bị cáo từ 01/5/2009 đến ngày 01/5/2016.

Xử phạt Thân Văn T1 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam và chấp hành án từ ngày 01/5/2009 đến ngày 01/02/2015 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt Nguyễn Văn T2 (tức Nguyễn Trọng T2) 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/02/2013. Nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2009 đến ngày 13/8/2009 và thời gian chấp hành án từ ngày 14/10/2011 đến ngày 19/02/2013 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

#### **4. Về các vấn đề khác:**

**Về vật chứng:** Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 1, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 con dao, loại dao rựa chuôi bằng gỗ, lưỡi sắt và 01 chiếc búa tạ bằng sắt, chuôi bằng sắt dài 56cm.

**Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn T2 (tức Nguyễn Trọng T2) phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 200.000đồng tiền án phí mà bị cáo T2 đã nộp theo biên lai số AA/2010/002208 ngày 08/6/2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Thân Văn T1 phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Ngoài ra còn giải quyết nghĩa vụ chậm thi hành án, tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Án sơ thẩm xử xong:

-Ngày 02/02/2017 bị cáo Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

-Ngày 07/02/2017 đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn H1 là ông Nguyễn Văn T4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì xét xử không khách quan, xét xử vắng mặt gia đình và Luật sư, gia đình đang có khiếu nại kết luận giám định pháp y số 59/BB-BYT.

-Ngày 13/02/2017 TAND huyện L nhận đơn kháng cáo đề ngày 08/02/2017 của ông Nguyễn Đức Q, ông Nguyễn Văn H5 ( đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Phương T5) gửi qua đường bưu điện. Nội dung đơn kháng cáo đề nghị xem xét trách nhiệm của VKSND huyện L dựa trên kết luận 59/BB-BYT ngày 25/01/2016 để đưa ra xét xử vụ án; vụ án kéo dài 9 năm mà cơ quan tố tụng vẫn bảo vệ tội phạm, đề nghị làm rõ truy cứu trách nhiệm hình sự; đề nghị xem xét kết luận giám định pháp y số 59/BB-BYT ngày 25/01/2016 có dấu hiệu sai phạm; đề nghị hủy bản án sơ thẩm, điều tra giám định lại vì các bị cáo có hành vi “Giết người”, phải bồi thường thiệt hại, nếu cần thiết khai quật lại hài cốt để xác minh.

Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T2 rút yêu cầu kháng cáo do đã bị tạm giam bằng thời gian của hình phạt tù 6 năm mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Đức Q, ông Nguyễn Văn H5 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Tôi kháng cáo yêu cầu xử đúng người đúng tội, đây là vụ án giết người và trong quá trình xét xử sơ thẩm có nhiều nội dung không khách quan. Các bản giám định có nhiều vấn đề mâu thuẫn so với thực tế. Các bản ảnh và video khai quật tử thi chúng tôi đã gửi cho Tòa án thể hiện rõ vết nứt xương hộp sọ khoảng 7 cm, dài hơn so với 2,3 kết luận giám định nêu. Chúng tôi đề nghị HĐXX xét xử đúng người đúng tội. Quá trình điều tra có nhiều dấu hiệu che dấu tội phạm. Khi xét xử gia đình tôi không có mặt nên không khách quan. Đề nghị huỷ án sơ thẩm, chuyển cho cơ quan điều tra để điều tra lại vụ án, tránh để kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Gia đình có yêu cầu bồi thường dân sự, đã nộp án phí nhưng cấp sơ thẩm không giải quyết. Tuy nhiên nếu các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái, xin lỗi gia đình tôi, đến thắp hương cho liệt sỹ Nguyễn Văn H1 đồng thời bồi thường dân sự theo pháp luật cho gia đình tôi thì gia đình sẽ chấp nhận bỏ qua, rút đơn kháng cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, dừng lại vụ án, không khiếu kiện kéo dài nữa.

- Ông Nguyễn Văn H5 trình bày: Đề nghị huỷ bản án và trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra lại vụ án. Vụ án chống người thi hành công vụ dẫn đến chết người thì phải là tội giết người. Các giám định có nhiều mâu thuẫn. Cơ quan tố tụng đã lấy bản giám định cũ để xét xử chứ không sử dụng bản giám định 08 để xét xử vụ án. Chúng tôi đã có bằng chứng xác định giám định số 59 là không đúng nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét và chúng tôi cũng đã đề nghị các giám định viên về đối chất nhưng họ không về. Đề nghị HĐXX nên huỷ án sơ thẩm để làm lại các kết luận giám định. Tội danh “giết người” đã được luật sư của chúng tôi đưa ra. Bản giám định của gia đình tôi cung cấp được sơ quan có thẩm quyền giám định, kết luận cháu tôi chết trong tình trạng trên người có chấn thương sọ não. Chúng tôi sẵn sàng đồng ý khai quật hài cốt để xác định rõ chấn thương sọ não của cháu Nguyễn Văn H1.

Các bị cáo không chấp nhận quan điểm trình bày kháng cáo cho rằng các bị cáo “Giết người”. Việc xét xử các bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ” là đúng người, đúng tội, các bị cáo đã chấp hành xong thời gian tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Về nội dung nhận tội và xin lỗi, bồi thường dân sự theo pháp luật như ông T4 bố của anh H1 nêu thì các bị cáo đề nghị giải quyết theo pháp luật.

\*Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ khác, thì các bị cáo khai nhận chỉ có hành vi đe dọa chứ không có hành vi xâm phạm đến tính mạng của anh H1 điều này phù hợp với các chứng cứ khác thể hiện không có đối tượng nào gây ra cái chết của anh H1, phù hợp với kết luận giám định số 59. Hội đồng giám định lại do Viện trưởng VKSND

tối cao thành lập là đúng vì các kết luận giám định trước đây có mâu thuẫn. Giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại phiên tòa ngày 24 và 25/10/2017. Về yêu cầu bồi thường thì đại diện cho người liên quan không yêu cầu tại cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm không giải quyết nên không xem xét, sau này có yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác (về việc không yêu cầu bồi thường thể hiện tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, các bút lục 2033, 2034).

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356- BLTTHS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

\* Các bị cáo T1, T2, Đ không tranh luận gì với VKS.

\* Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đ khẳng định cấp sơ thẩm xét xử là đúng người đúng tội, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị y án sơ thẩm.

\* Ông T4 trình bày quan điểm: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại các phiên tòa trước đây.

Đại diện VKS cho rằng anh H1 chơi với giữa sông nhưng đề nghị VKS cho biết ai là người chứng kiến; Về vết rạn nứt trên sọ, vết gãy xương đòn, gãy răng, cơ chế hình thành do vật tày tác động nhưng không thu hồi được; Khi chết không có nước trong phổi, người; Kết luận số 59 không khách quan

Vấn đề dân sự tôi yêu cầu vì tôi không đồng ý và vẫn đề nghị bồi thường thiệt hại cho gia đình tôi.

Tôi đề nghị hủy án, trả hồ sơ chuyển cho cơ quan điều tra của Bộ Công an điều tra lại.

\* Ông H5 có ý kiến: Giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại các phiên tòa. VKS vẫn truy tố các bị cáo phạm tội “Chống người thi hành công vụ” khi có các chứng cứ gia đình tôi đã đưa ra thì là thế nào; VKS căn cứ vào đâu để cho rằng các bị cáo chỉ đe dọa để chạy trốn, chứ không cố tình xâm phạm tính mạng của cháu tôi; Kết quả khiếu nại của gia đình tôi chưa được trả lời nhưng VKS vẫn căn cứ vào kết luận 59 để bảo vệ bản án sơ thẩm.

\* Luật sư bảo vệ quyền lợi cho gia đình liệt sỹ Nguyễn Văn H1 trình bày quan điểm: Không chấp nhận quan điểm VKS nêu về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Có nhiều vi phạm trong việc ban hành kết luận giám định số 59: Hồ sơ giám định cung cấp cho hội đồng giám định không đầy đủ. Chỉ có 11 bức ảnh đưa vào hồ sơ, các bức ảnh này không có ảnh nào chụp cận cảnh các dấu vết tổn thương trên cơ thể như biên bản đã ghi nhận. thể hiện sự chọn lọc nên không đầy đủ, khách quan. Nội dung bản giám định có thể hiện có thể hiện vết rạn xương nhưng trong hồ sơ không có bản ảnh thể hiện dấu vết này. Có điểm chưa rõ ràng cần phải giải thích của hội đồng giám định. Bản giám định chỉ giải thích ngắn gọn cho rằng vết rạn là do trong quá trình giám định. Không giải thích nguyên nhân, cơ chế hình thành vết

gãy xương đòn của liệt sỹ H1. Khi gia đình không đồng ý để đem xương đi giám định thì phải từ chối giám định theo thông tư 47. Ngoài ra còn vi phạm: không ghi thời gian bắt đầu, kết thúc việc giám định; thành phần giám định chỉ có ông T và không có chứng cứ nào xác định các giám định viên còn lại có tham gia việc giám định. Kết luận giám định 59 này gia đình ông T4 cũng đã có khiếu nại nhưng đến nay chưa có trả lời. VKS cho rằng việc này do Bộ Y tế chứ không phải do các cơ quan tiến hành tố tụng, chúng tôi không đồng ý việc này. Vết rạn trên đầu anh H1 phù hợp với lời khai của T2, T1 có dùng búa, gây đứt khứa khoắng. Đề nghị xem xét đến các bản ảnh và clip ông T4 cung cấp là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm. Đề nghị xem xét có thể khai quật tử thi và để hội đồng giám định khác giám định lại.

Về tội danh của các bị cáo: căn cứ diễn biến của vụ án thì tội “Chống người thi hành công vụ” nếu hành vi gây ra hậu quả chết người thì là phạm tội “Giết người” theo Điều 93- BLHS năm 1999; Các bị cáo chỉ có thể bị truy tố theo Điều 257- BLHS khi không có hậu quả chết người. Việc này các bị cáo đã có lời khai: Đ có hô chém chết mẹ, T2 dùng búa khứa khoắng, T1 lúc đầu bảo dùng gậy, sau đó dùng dao để tấn công anh H1.

Về các vi phạm tố tụng: Tòa sơ thẩm áp dụng tình tiết cho các bị cáo đầu thú không đúng vì cơ quan công an đã phát hiện và gọi bị cáo lên làm việc sau đó bắt luôn các bị cáo. Đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Sau phiên tòa ngày 24, 25/10/2017 Tòa án đã có yêu cầu làm rõ một số nội dung trong kết luận giám định pháp y số 59 nhưng chưa được làm rõ.

Không đồng tình với kết luận và đường lối giải quyết vụ án của VKS.

VKS cho rằng không có việc các bị cáo tác động ngoại lực và không có ý trí tước đoạt liệt sỹ H1 và căn cứ vào bản giám định pháp y số 59 để không chấp nhận kháng cáo của người đại diện người liên quan là không có căn cứ.

Kháng cáo của thân nhân liệt sỹ H1 có căn cứ chấp nhận vì: Các cơ quan tiến hành tố tụng có sự sai lầm trong việc định tội danh, áp dụng pháp luật và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Liệt sỹ H1 đã được công nhận là liệt sỹ từ năm 2015 nhưng tòa sơ thẩm, cơ quan điều tra không giải thích quyền được trợ giúp pháp lý cho họ.

Vật chứng là con tàu là công cụ, phương tiện phạm tội nên không thể trả lại mà phải tịch thu sung công nhà nước.

Thiếu sót nghiêm trọng của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện L và VKS hôm nay là căn cứ vào các lời khai của các bị cáo, kết luận giám định để khẳng định không có việc tác động gây cái chết cho anh H1.

Các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ban đầu các bị cáo có việc nổ mìn để chống người thi hành công vụ nhưng sau đó chuyển hoá sang tội giết người thể hiện bằng câu nói của Đ, thằng nào lên chém chết. sau đó Đ tấn công anh H2 và đưa dao cho T1 để tấn công anh H1, T2 dùng búa tấn công anh H1, sau khi anh H1 nói cho em xin nhưng T1 vẫn túm cổ áo và đẩy anh H1 xuống sông. Không phải

anh H1 tự dưng ngã xuống sông và bị ngạt nước mà phải có lực tác động. Ngay cả khi không có kết luận giám định thì cũng có thể xác định các bị cáo phạm tội giết người với lỗi cố ý gián tiếp.

Lý do án sơ thẩm bác bỏ 56, 08 vì chỉ giám định trên hồ sơ và không có giải thích rõ ràng là không có căn cứ.

Giải thích của kết luận giám định pháp y số 955, chết do chuột rút nhưng trong y học không có chết do chuột rút.. bỏ rất nhiều yếu tố không đề cập đến.

Bản giám định 3021 cũng giống như bản 955.

Quá trình xét xử phúc thẩm gia đình anh H1 cung cấp bản ảnh, băng ghi hình diễn biến khai quật. Đề thận trọng cần có việc khai quật lại hài cốt giám định lại để có sự giải thích cho các bản giám định trước đây. Trách nhiệm dân sự không được giải quyết là không đảm bảo quyền lợi của gia đình anh H1. Đề nghị huỷ án để trả hồ sơ điều tra lại.

Bản án sơ thẩm cũng có nhận định có dấu hiệu tội phạm “Giết người” nhưng sau khi trả hồ sơ VKS không đồng ý nên có kiến nghị cấp phúc thẩm việc này là vi phạm vì nếu phát hiện tội phạm mới phải đề nghị VKS khởi tố vụ án.

Đề nghị chấp nhận kháng cáo. Có sự phán quyết công bằng cho gia đình liệt sĩ H1.

HĐXX đọc luận cứ của luật sư H: Cấp sơ thẩm xác định tội danh “Chống người thi hành công vụ ” là không đúng. Căn cứ tài liệu điều tra xác định hành vi của các bị cáo là “Giết người”.. Đề nghị huỷ án để trả hồ sơ điều tra lại.

\* Ông T4, ông H5, bà L: Nhất trí với ý kiến của các luật sư. Không đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát. Đề nghị huỷ án điều tra lại, trung cầu giám định lại với thành phần giám định là các cán bộ đang công tác trong các cơ quan có thẩm quyền, không phải những người đã nghỉ hưu.

\* Quan điểm tranh luận đối đáp của đại diện VKS:

- Đối với các vết thương tích trên sọ não do gia đình cung cấp thì theo việc khai quật tử thi có ông S chứng kiến và ký rõ ràng, chốt từng nội dung, tại biên bản xác định vết rạn dài 2,3cm và có giải thích do giải phẫu tử thi gây nên. Về 2 chiếc răng gãy do tự nhiên, việc gãy xương đòn thì hội đồng có lập biên bản thu giữ nhưng gia đình không đồng ý, vì vậy chỉ sao chụp và có kết luận đây là vết gãy cũ.

- Ông T4 cho rằng Viện kiểm sát căn cứ vào đâu cho rằng anh H1 chơi với giữa sông thì VKS căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của anh H2 có nhìn thấy anh H1 chơi với dưới sông.

- Trong toàn bộ quá trình điều tra đã không chứng minh được các bị cáo dùng hung khí tấn công anh H1 và các bị cáo đều khẳng định chỉ dùng hung khí đe dọa.

- Luật sư T cho rằng hội đồng giám định có vi phạm: VKS thấy rằng trong quá trình khám nghiệm có đo và có đưa các kích thước vào biên bản. Việc khiếu nại không nằm trong khiếu nại được quy định trong tố tụng hình sự.

- Một số ảnh ông T4 cho rằng không đưa vào thì VKS nhận định giống án sơ thẩm vì các tài liệu này chỉ được đưa ra trong quá trình xét xử sơ thẩm và không được thu thập theo trình tự quy định.

- Luật sư T cho rằng về tội danh: Hành vi của các bị cáo không gây trực tiếp cái chết cho anh H1 và các bị cáo cũng chỉ có hành vi đe dọa anh H2. Sau khi có nhiều mâu thuẫn trong các kết luận giám định thì đã được giám định bằng kết luận số 59.

- Về vi phạm cho rằng trả hồ sơ và tuyên án thì đây là sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản nhưng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về việc bị cáo T2 đi đầu thú thì khi có nghi vấn bị cáo T2 đã đến khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Về việc trợ giúp pháp lý cho gia đình liệt sỹ Nguyễn Văn H1: Khi kiểm tra hồ sơ thì thấy có việc vi phạm này nhưng quan điểm VKS thấy trong quá trình giải quyết vụ án gia đình ông T4 có mời luật sư vì vậy vẫn đảm bảo quyền lợi.

- Về việc xử lý vật chứng: Hành vi của các bị cáo là chống người thi hành công vụ, chiếc thuyền dùng để hút cát đã được xử lý hành chính và không phải là tang vật trong việc này nên việc xử lý vật chứng không có gì vi phạm.

- Luật sư L cho rằng các bị cáo phạm tội giết người do lỗi cố ý gián tiếp: VKS thấy rằng các bị cáo không nhằm mục đích tước đoạt tính mạng của anh H1, việc này phù hợp với lời khai của anh H2 cho rằng các anh được đào tạo các kỹ năng bơi lội trong trường.

\* Quan điểm của ông T4:

- Không nhất trí với quan điểm của VKS vì vẫn đưa ra việc luận tội như phiên tòa ngày 5/5/2015 xử trước đây.

- Nếu H1 chơi với giữa sông thì phải có nước trong phổi, trong người.

- Các bản giám định pháp y có mâu thuẫn.

- VKS trả lời không khách quan, mập mờ về bản giám định pháp y số 59. Có nhiều bản ảnh có giá trị nhưng không đưa ra làm căn cứ giám định. Không nêu thời gian giám định.

- Nhận thức của Cơ quan điều tra, VKS chưa khách quan về hành vi phạm tội của các bị cáo, nhận thức 4 yếu tố cấu thành tội phạm không đúng.

\* Luật sư L có quan điểm tranh luận:

- Đối với ý kiến cho rằng tài liệu ông T cung cấp không được thu thập theo đúng trình tự thì đây là trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan nay phải tiến hành thu thập nếu thấy có ý nghĩa trong việc điều tra.

- Vết rạn xương ông S ký vào thể hiện rạn 2,3 cm nhưng không hề có thước tỷ lệ bên cạnh, ông S không được tham gia từ đầu mà chỉ ký vào mà bằng mắt thường ông S cũng không nhận biết được độ dài bao nhiêu. Ngay từ khi gia đình ông T4 cung cấp thì phải có việc điều tra lại để xác định các dấu vết để lại trên tử thi. Đây là chứng cứ quan trọng trong việc giải quyết vụ án.

- Việc gãy xương đòn do gia đình không chấp nhận mẫu thì hội đồng phải từ chối chứ không được đưa ra kết luận giám định.

- Việc được trợ giúp pháp lý, VKS cho rằng có vi phạm nhưng không nghiêm trọng, gia đình ông T4 cũng có luật sư nên không ảnh hưởng đến quyền lợi. Nếu có luật sư trợ giúp thì gia đình ông T4 sẽ được hướng dẫn các quyền lợi cho gia đình mình.

- Về việc xử lý vật chứng: Vật chứng này được thu giữ trong vụ án hình sự chứ không phải theo quyết định xử phạt hành chính, đồng thời đây cũng là tài sản đảm bảo trong quá trình thi hành án, không đồng ý trả lại con tàu này.

- VKS cho rằng các bị cáo không mong muốn tước đoạt mạng sống của người khác, đây là việc suy diễn của VKS. Các bị cáo kể cả bằng lời nói, hành vi, hành động trên thực tế và hậu quả đã xảy ra xác định các bị cáo phạm tội “Giết người”. Ban đầu các đối tượng chỉ bỏ chạy nhưng tội danh chuyển hoá từ lúc bị cáo Đ hô “thằng nào lên chém chết mẹ chúng nó đi, du hết chúng nó xuống sông”. Việc này thể hiện ý chí tước đoạt mạng sống của các đồng chí cảnh sát giao thông. Sau đó bị cáo T1 có việc dùng dao tấn công anh H1, túm cổ áo đẩy xuống sông khi người cảnh sát giao thông xin tha. Cho rằng có việc chết do ngạt nước thì cũng thể hiện là việc cố ý tước đoạt mạng sống của người khác. Nếu chỉ để “chống người thi hành công vụ” thì họ có thể bỏ chạy để không cho người đó thực hiện công vụ của mình. Nếu có việc tác động ngoại lực thì thể hiện ý chí tước đoạt mạng sống mạnh hơn.

- Việc mổ tử thi cũng chưa toàn diện dẫn đến có nhiều mâu thuẫn trong quá trình giám định.

- Đề nghị huỷ án sơ thẩm và đề nghị thành lập hội đồng giám định pháp y khác có các chuyên gia đầu ngành để tiến hành giám định.

\* Luật sư T tranh luận:

Thông nhất quan điểm với luật sư L.

Tôi đã đưa ra thông tư số 47 để xác định bản giám định số 59 có nhiều vi phạm nên án sơ thẩm căn cứ vào bản giám định để xét xử là không có căn cứ.

\* Quan điểm của ông T4: Bác bỏ mọi ý kiến của VKS. VKS có việc che giấu tội phạm, để tội phạm nhờn nhờ, cái gì nói cũng không nhớ, không biết.

\* Quan điểm của ông H5: Những lời khai của các bị cáo, người làm chứng có giá trị chứng minh trong phiên toà không. VKS chỉ căn cứ vào lời khai của các bị cáo không có ý tước đoạt mạng sống, khi đó anh H2 cũng có lời khai các đối tượng tấn công rất quyết liệt nếu như không nhảy xuống sông thì cũng chết. Các luật sư đưa ra quan điểm rất có logic nhưng VKS vẫn giữ quan điểm bảo vệ các bị cáo.

\* VKS đối đáp: Phía người liên quan và luật sư đã đưa ra quan điểm tranh luận nhưng VKS đã đưa ra quan điểm đối đáp nên giữ nguyên quan điểm đã tranh luận.

\* Ông T4: VKS vẫn có quan điểm không khách quan để bảo vệ tội phạm.

\* Ông H5: VKS cố tình bỏ qua những tình tiết để bảo vệ cho bị cáo.

\* Các luật sư không tranh luận gì thêm.

\* Các bị cáo không tranh luận gì thêm.

\* Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo mong muốn xử đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Phiên tòa đã được mở nhiều lần, những người tham gia tố tụng đã được tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 351- Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T2 đã rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo đã bị tạm giam bằng thời gian như hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên. Tòa án đã ban hành thông báo việc bị cáo Nguyễn Văn T2 rút đơn kháng cáo.

[3]. Xét kháng cáo của ông T4, ông Q, ông H5 là đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, HĐXX thấy:

[3.1]. Một số vi phạm về tố tụng theo bản án phúc thẩm số 51 ngày 05/5/2015 nêu đã được cấp sơ thẩm khắc phục.

[3.2]. Việc xác định nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn H1, đã tiến hành khai quật tử thi và có Kết luận giám định pháp y số 59/BB- BYT ngày 25/01/2016 của Bộ Y tế; một số tình tiết về diễn biến vụ việc có mâu thuẫn đã được làm rõ; vết thương rách da hõm vành tai phải của anh H1 đã được kết luận trong bản kết luận giám định pháp y số 59.

[3.3]. Về tội danh đối với các bị cáo: Quá trình xét xử các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Thân Văn T1 và Nguyễn Văn T2 ( tức Nguyễn Trọng T2) đều đã khai nhận: Khoảng 03h sáng ngày 01/5/2009, các bị cáo đã có hành vi hút trộm cát tại khu vực bến đò M thuộc địa phận xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi tổ công tác thuộc phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Giang gồm anh H2 và anh H1 lên tàu

kiểm tra, làm nhiệm vụ, các bị cáo đã không chấp hành mệnh lệnh và bỏ chạy. Khi anh H2 và anh H1 yêu cầu tắt máy, dừng tàu các bị cáo đã chống đối, dùng hung khí đe dọa mục đích để 02 anh phải rời tàu nhằm để các bị cáo chạy trốn và không bị xử phạt. Kết quả là cả anh H2 và anh H1 ngã xuống sông dẫn đến cái chết của liệt sỹ Nguyễn Văn H1. Lời khai của các bị cáo về việc chống người thu hành công vụ phù hợp với lời khai của anh H2, phù hợp lời khai của người liên quan là anh H, anh T3 có trong hồ sơ vụ án, phù hợp chứng cứ thu giữ được. Theo bản kế hoạch công tác và trình bày của đại diện Công an tỉnh Bắc Giang thì thời điểm xảy ra vụ án, anh H2 và anh H1 đang thực thi nhiệm vụ theo phân công, kế hoạch công tác kế hoạch số: 84/PC26 ngày 27/4/2009 của Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Giang về “tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy, tập trung xử lý vi phạm khai thác cát sỏi trái phép”. Khi làm nhiệm vụ trên tàu của bị cáo Đ, anh H2 và anh H1 thực hiện đúng quy trình, nghiệp vụ chuyên môn.

[3.4]. Về việc xác định nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn H1: Hội đồng xét xử thấy rằng, vụ án đã có rất nhiều kết luận giám định khác nhau. Do các kết luận giám định có mâu thuẫn về nguyên nhân chết của anh H1. Căn cứ vào Quyết định trưng cầu giám định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Y tế đã thành lập Hội đồng giám định. Qua việc khai quật tử thi, tại kết luận giám định số 59/BB-BYT ngày 25/01/2016 đã kết luận:

- Nguyên nhân tử vong của Nguyễn Văn H1 là: Ngạt nước.
- Không phát hiện dấu hiệu tổn thương sọ não.
- Không phát hiện tổn thương do ngoại lực dẫn đến tử vong.

Xét thấy: Kết luận giám định số 59/BB- BYT ngày 25/01/2016 và kết luận giám định số 955/09/GĐPY ngày 01/5/2009 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang đã căn cứ trên cơ sở của việc khám nghiệm tử thi và khai quật hài cốt của anh Nguyễn Văn H1, đều cho ra chung một kết quả và phù hợp với nhau; phù hợp với kết luận giám định số 3021 ngày 28/12/2009 của Trung tâm pháp y Viện khoa học hình sự, Bộ Công an và các Công văn giải thích về cơ sở khoa học để đưa ra kết luận là có căn cứ; Ngoài ra tại Công văn số 5158/VKSTC-V2 ngày 16/12/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã xác định việc giám định lại để xác định rõ, thống nhất nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn H1 là cần thiết.

Từ những phân tích trên thấy rằng: Các kết luận giám định 59/BB- BYT ngày 25/01/2016 của Hội đồng giám định, Bộ Y tế; kết luận giám định số 955/09/GĐPY ngày 01/5/2009 của Phòng giám định pháp y, Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang và kết luận giám định số 3021 ngày 28/12/2009 của Trung tâm pháp y Viện khoa học hình sự, Bộ Công an về nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn H1 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Đối với kết luận giám định pháp y số 56/GĐPY-HS ngày 17/11/2009 và Kết luận giám định pháp y số 08/13/GĐPY-HS ngày 03/10/2013 của Viện pháp y Quốc

gia, Bộ Y tế, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các kết luận giám định này chỉ căn cứ vào hồ sơ, không có cơ sở thực tiễn, cũng không giải thích rõ căn cứ để đưa ra kết luận. Do đó xác định các kết luận giám định pháp y số 56 và số 08 của Viện pháp y Quốc gia, Bộ Y tế về nguyên nhân chết của anh Nguyễn Văn H1 là không có căn cứ chấp nhận.

[3.5]. Đối với các bức ảnh về hộp sọ mà ông Nguyễn Văn T4 xuất trình trong quá trình xét xử sơ thẩm ngày 25/11/2016. Tòa án sơ thẩm đã trả hồ sơ để làm rõ về nguồn gốc bức ảnh nhưng không được Viện kiểm sát chấp nhận, với lý do các bức ảnh này cũng không được thu thập theo đúng trình tự. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bức ảnh mà ông T4 cung cấp cho hội đồng xét xử sơ thẩm tại phiên tòa ngày 25/11/2016 không phải là chứng cứ của vụ án. HĐXX phúc thẩm thấy các bức ảnh này được gia đình ông T4 chụp trong quá trình khai quật tử thi nhưng không có căn cứ chứng minh vết nứt trên xương sọ có liên quan đến cái chết của anh Nguyễn Văn H1.

[3.6]. Về ý kiến của những người đại diện của anh Nguyễn Văn H1, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh H1, người đại diện của chị T5 và bà L về việc các bị cáo Thân Văn T1, Nguyễn Trọng T2 có hành vi “Đe dọa giết người”, đánh chết, vứt xác anh Nguyễn Văn H1 xuống sông là không có căn cứ.

[3.7]. Về đề nghị truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Giết người”, quá trình xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội giết người theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 93- Bộ luật hình sự nên đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện L không chấp nhận và giữ nguyên Cáo trạng. Căn cứ giới hạn trong phạm vi xét xử Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 196- BLTTHS năm 2003.

[3.8]. Quá trình xét xử phúc thẩm Tòa án cũng đã xem xét các tài liệu chứng cứ phát sinh trong quá trình xét xử, yêu cầu cơ quan giám định, điều tra cung cấp thông tin tài liệu để đánh giá chứng cứ nhưng các cơ quan này cũng không có tài liệu chứng cứ gì khác cung cấp cho Tòa án nên không có cơ sở để HĐXX xem xét đánh giá. Mặt khác Hội đồng giám định pháp y đã có kết luận nêu rõ về vết nứt hộp sọ có độ dài 2,3 cm là do phát sinh trong quá trình giải phẫu gây ra. Việc người kháng cáo cho rằng vết nứt hộp sọ dài hơn 7 cm, không như trong kết luận giám định pháp y nêu 2,3 cm. Tuy nhiên tại biên bản khai quật tử thi kiểm tra độ dài của vết nứt hộp sọ đã có ông Nguyễn Văn S là đại diện theo ủy quyền của ông T4 (anh trai ông T4) tham gia chứng kiến, ký xác nhận. Do đó không có căn cứ chấp nhận quan điểm của người kháng cáo về việc vết nứt hộp sọ do bị đánh và có chiều dài vết nứt lớn hơn trong biên bản khai quật, tài liệu giám định nêu.

[3.9]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, nhận thức được việc làm của mình là trái pháp luật,

có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” được quy định tại Điều 257- Bộ luật hình sự. Với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định chính từ hành vi chống người thi hành công vụ của các bị cáo đã gây hậu quả nghiêm trọng, dẫn đến cái chết của liệt sỹ Nguyễn Văn H1. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 257- Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ là người hô hào kích động các bị cáo còn lại chống người thi hành công vụ. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 257- Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ” với các tình tiết như đã nêu trên là có căn cứ.

[3.10]. Về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hành vi của các bị cáo có dấu hiệu tội “Giết người”, kiến nghị xem xét, HĐXX thấy: Quá trình xét xử vụ án Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung xem xét về tội danh “Giết người” đối với các bị cáo nhưng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh “Chống người thi hành công vụ”. Căn cứ giới hạn xét xử Tòa án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ. Cấp phúc thẩm thấy căn cứ diễn biến nội dung vụ án đã bị hủy bản án nhiều lần để xem xét về hành vi, tội danh đối với các bị cáo nhưng Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện L vẫn truy tố các bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ”. HĐXX phúc thẩm thấy hành vi của các bị cáo có dấu hiệu tội phạm “Giết người” như các HĐXX sơ thẩm, phúc thẩm trước đó đã nhận định. Tuy nhiên căn cứ giới hạn xét xử tại Điều 196- BLTTHS năm 2003, Tòa án không thể xử bất lợi cho các bị cáo được. Vì vậy HĐXX phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 355; Điều 356- BLTTHS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Đức Q, ông Nguyễn Văn H5, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện L.

Tuy nhiên, HĐXX phúc thẩm cũng căn cứ quy định tại Điều 326- BLTTHS năm 2015 kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp cao xem xét lại theo bản án theo thủ tục giám đốc thẩm về tội danh đối với các bị cáo. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, phúc thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an tiến hành điều tra lại vụ án.

[3.11]. Về trách nhiệm dân sự do quá trình xét xử sơ thẩm gia đình ông T4 không có yêu cầu giải quyết mà để chờ kết quả xác định đúng thủ phạm giết anh Nguyễn Văn H1 mới yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không đặt ra giải quyết, vì vậy HĐXX phúc thẩm không giải quyết. Sau này đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn H1 có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[3.12]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Đức Q, ông Nguyễn Văn H5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ khoản 1, Điều 355; Điều 356- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Văn H1). Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 19/01/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[1.1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Thân Văn T1 và Nguyễn Văn T2 (tức Nguyễn Trọng T2) phạm tội: “Chống người thi hành công vụ”.

[1.2]. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 257; Điều 33; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Đ.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 257; Điều 33; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với Thân Văn T1 và Nguyễn Văn T2 (Nguyễn Trọng T2).

[1.3]. Về hình phạt:

- Xử phạt Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù, đúng bằng thời hạn tạm giam và đã chấp hành án của bị cáo từ 01/5/2009 đến ngày 01/5/2016. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bị tạm giam bằng thời gian của hình phạt tù cấp sơ thẩm đã tuyên phạt.

- Xử phạt Thân Văn T1 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam và chấp hành án từ ngày 01/5/2009 đến ngày 01/02/2015 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Xác nhận bị cáo Thân Văn T1 đã bị tạm giam bằng thời gian của hình phạt tù cấp sơ thẩm đã tuyên phạt.

- Xử phạt Nguyễn Văn T2 (tức Nguyễn Trọng T2) 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/02/2013 nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2009 đến ngày 13/8/2009 và thời gian chấp hành án từ ngày 14/10/2011 đến ngày 19/02/2013 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T2 đã có thời gian bị tạm giam, chấp hành án bằng thời gian của hình phạt tù cấp sơ thẩm đã tuyên phạt.

[2]. Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp cao xem xét lại theo bản án theo thủ tục giám đốc thẩm về tội danh đối với các bị cáo. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, phúc thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an tiến hành điều tra lại vụ án.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 12-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn T4, ông Nguyễn Đức Q, ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 19/01/2017 của TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**